

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Quảng Vân,
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 663/TTr-STC ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung như sau:

- Dự án: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT;
- Cơ quan phê duyệt dự án: UBND tỉnh Bình Định;
- Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): 26/5/2021-03/7/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
	Tổng cộng:	50.846.985.000	47.886.794.000
I	Chi phí xây dựng	42.752.600.000	42.532.538.000
II	Chi phí thiết bị	1.390.200.000	1.390.200.000
II	Chi phí quản lý dự án	886.535.000	873.971.000

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
III	Chi phí tư vấn đầu tư	2.181.083.000	2.151.150.000
1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	284.860.000	284.860.000
2	Chi phí lập TKBVTC - Dự toán	615.132.000	615.132.000
3	Chi phí thẩm tra TKBVTC - Dự toán	76.710.000	76.710.000
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	945.872.000	934.554.000
5	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	14.594.000	14.594.000
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp + thiết bị	92.473.000	92.473.000
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết kế	2.000.000	2.000.000
8	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	130.827.000	130.827.000
9	Chi phí thí nghiệm thiết bị điện	18.615.000	0
IV	Chi phí khác	1.258.282.000	938.935.000
1	Chi phí thẩm định TKBVTC - Dự toán	24.401.000	24.401.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	96.747.000	96.747.000
3	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT xây lắp + thiết bị	46.236.000	46.236.000
4	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT thiết kế	2.000.000	2.000.000
5	Chi phí HĐTV giải quyết kiến nghị của NT về kết quả LCNT xây lắp + thiết bị	10.248.000	0
6	Chi phí HĐTV giải quyết kiến nghị của NT về kết quả LCNT thiết kế	2.000.000	0
7	Chi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	9.500.000	9.500.000
8	Chi phí thẩm định nghiên cứu khả thi	4.883.000	4.883.000
9	Chi phí rà phá bom mìn	333.339.000	328.462.000
10	Chi phí ngừng và cấp điện trở lại	254.000	0
11	Chi phí nghiệm thu đóng điện ĐZ 0,4kV và chiếu sáng	91.123.000	0
12	Chi phí nghiệm thu đóng điện bàn giao ĐZ 22kV	11.594.000	0
13	Chi phí nghiệm thu đóng điện bàn giao TBA	13.792.000	0
14	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	36.000.000	0
15	Phí thẩm duyệt PCCC	250.000	250.000
16	Các chi phí liên quan đến lập quy hoạch chi tiết 1/500	426.669.000	282.407.000

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
17	Chi phí thẩm định giá trị vật tư, thiết bị	4.840.000	4.840.000
18	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	144.406.000	139.209.000
V	Dự phòng	2.378.285.000	0
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng	2.378.285.000	0

2. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán
1	2	3	4	5	6
Tổng số	50.846.985	47.886.794	47.026.437	971.375	111.018
Vốn đầu tư công:			47.026.437		
1. Vốn đã thanh toán:			47.026.437		
- Ngân sách tỉnh:			47.026.437		
2. Vốn phải thu hồi:					
+ Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch		0	11.499		11.499
+ Chi phí khảo sát, thiết kế quy hoạch		0	94.528		94.528
+ Chi phí công bố quy hoạch		0	4.991		4.991
3. Vốn thanh toán tiếp:				971.375	

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			47.886.794.000	47.886.794.000
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			47.886.794.000	47.886.794.000

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	47.886.794.000	
Trong đó:		
1. Đã bố trí :	47.026.437.000	
- Ngân sách tỉnh:	47.026.437.000	
2. Vốn phải thu hồi:	111.018.000	
3. Chưa bố trí:	971.375.000	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (09/10/2023) là:

* Tổng nợ phải trả: 971.375.000 đồng

Đơn vị tính: đồng

- Chi phí quản lý dự án	244.041.000
- Chi phí tư vấn đầu tư	588.125.000
+ Chi phí giám sát thi công xây dựng	573.531.000
+ Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	14.594.000
- Chi phí khác	139.209.000
+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	139.209.000

* Tổng nợ phải thu: 111.018.000 đồng

Đơn vị tính: đồng

- Chi phí khác	111.018.000
+ Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	11.499.000
+ Chi phí khảo sát, thiết kế quy hoạch	94.528.000
+ Chi phí công bố quy hoạch	4.991.000

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND huyện Tuy Phước	47.886.794.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCTTT N. T. Thanh;
- Lưu: VT, K10



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh